

## VỀ VĂN HÓA VẬT CHẤT CỦA CÁC DÂN TỘC NƯỚC TA TRƯỚC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

NGUYỄN KHẮC TỤNG

Nước ta có trên 50 dân tộc, về văn hóa không chỉ phong phú và đa dạng mà dân tộc nào cũng có những sắc thái riêng giàu tính tộc người, chủ yếu được thể hiện ở văn hóa vật chất.

Văn hóa vật chất bao gồm nhiều yếu tố, nhưng trong đó: ĂN, MẶC, Ở và CÔNG CỤ SẢN XUẤT là mấy yếu tố quan trọng hơn cả. Trước công cuộc đổi mới của đất nước ta, một số trong các yếu tố đó đã và đang có những thay đổi không chỉ nhanh mà còn khá sâu sắc.

1. Về ĂN (uống và hút). Cả nước ta từ đồng bằng đến miền núi, từ nông thôn đến thành thị, về bữa ăn thường nhật của nhân dân đã có sự thay đổi, nhưng còn rất hạn chế và rất chậm. Về cơ cấu thành phần các món ăn trong các bữa ăn hầu như còn rất ít thay đổi. Chất bột, chủ yếu là gạo vẫn là món ăn chủ lực, chiếm tỉ lệ lớn, các món ăn khác chỉ là phụ. Ở những nơi trồng được ít lúa hoặc mùa màng bị thất bát, các lương thực phụ như: ngô, khoai, sắn... mới được dùng thay gạo, nhưng là tạm thời. Khi có gạo người ta lại ăn gạo là chính. Về chất lượng của bữa ăn, ở nông thôn chỉ những nơi có điều kiện làm ăn khá khá như: làm nông kết hợp với các nghề phụ (sản phẩm của các nghề ấy trở thành hàng hóa) hoặc kết hợp với buôn bán thì ở đó, chất lượng của bữa ăn có được nâng cao hơn. Trong các bữa ăn, ngoài cơm và rau, cá, thịt có thường xuyên hơn. Còn những người nghèo, gạo có khi còn thiếu ăn, cá thịt thì thoảng mới có thì không thể nói đến chuyện thay đổi về chất lượng của bữa ăn. Mức ăn của nhân dân các đô thị rất chênh

lệch: có những người ăn uống thừa mứa, nhưng cũng không người chỉ có những bữa ăn khá đạm bạc.

Tuy nhiên, các món ăn cổ truyền chế biến từ các nông phẩm, đặc biệt là các thứ bánh được dùng trong các bữa tiệc, cưới xin, hội hè... vẫn được duy trì, nay đang có cơ hội để phát triển, nhất là ở nông thôn.

Về đồ uống có chất kích thích, ngoài rượu chế biến theo phương pháp cổ truyền từ gạo, ngô, sắn, nay còn có nhiều loại rượu chế biến theo phương pháp công nghiệp. Rượu là món đồ uống phổ biến khắp nông thôn đến thành thị, nhất là ở miền núi.

Bia là loại nước giải khát cũng được nhiều người ưa thích. Nhưng người ta đã dùng nó một cách quá đáng có người uống mấy chục "lon" một lúc. Nó còn đang được "rượu hóa" vì đã có mặt trong các bữa ăn nhất là trong các bữa tiệc.

Về đồ hút, hầu như mọi dân tộc ở nước ta đều biết hút thuốc lá chỉ khác nhau đôi chút ở cách chế biến và hút. Một số dân tộc, ngoài thuốc lá còn hút thuốc Lào. Thuốc lá diều chế biến theo phương pháp công nghiệp, trước đây chỉ phổ biến ở các cư dân thành thị, nay đã phổ biến khắp nông thôn và miền núi. Nhiều trẻ em kể cả học sinh cũng hút thuốc lá.

Thuốc phiện, xưa kia cũng có người nghiện hút, nhưng chủ yếu là những người khá giả. Giờ đây nạn nghiện hút này không chỉ ở những nơi trồng thuốc phiện, phổ biến hơn lại là ở các thị xã, thành phố, nhất là những thành phố lớn. Không chỉ những người có

tiền mà cả những người nghèo cũng nghiện hút, giới trẻ lại càng phổ biến hơn.

Về ăn uống, nói chung còn rất ít sự thay đổi, chủ yếu do đời sống kinh tế của nhân dân lao động còn thấp chưa đủ điều kiện để cải thiện bữa ăn thường ngày. Gạo vẫn là món ăn chủ lực. Các lương thực phụ chưa có khả năng thay thế gạo vì cách chế biến còn quá thô sơ, đơn giản. Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm của chúng ta còn quá kém và ít ai quan tâm đến việc cải thiện bữa ăn cho nhân dân. Người ta chỉ chế biến những gì có giá trị xuất khẩu cao hoặc đưa lại lợi nhuận lớn. Chẳng thế mà người ta đã sản xuất ra đủ các loại rượu, quá nhiều rượu, để dùng trong nước là chính vì chất lượng kém không xuất khẩu được. Các xí nghiệp chế biến rượu theo phương pháp công nghiệp mọc lên khắp nơi, nhất là ở các đô thị. Đó là chưa kể đến các làng xóm, ngõ ngách người ta đua nhau sản xuất rượu theo phương pháp cổ truyền. Thuốc lá cũng vậy, máy móc ngày một tinh vi, người ta tìm mọi cách để sản xuất cho thật nhiều. Những thứ đó, đâu phải để cải thiện việc ăn uống. Sản xuất nhiều mà không xuất khẩu được thì không thể khác là làm tăng nạn nghiện ngập trong nhân dân, tác hại rất lớn đến giới trẻ, đồng thời còn kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác.

Bữa ăn của nhân dân ta chỉ được cải thiện khi mà đời sống kinh tế được nâng cao hơn. Cơ cấu thành phần các món ăn trong bữa ăn cũng như chất lượng của bữa ăn chỉ có thể thay đổi khi mà công nghệ chế biến lương thực và thực phẩm của chúng ta được quan tâm và theo một định hướng đúng đắn. - vì sức khỏe của nhân dân. Và cũng cần phải cải tạo tập quán ăn uống đã được hình thành từ hàng ngàn năm.

2 - Về MẶC. Riêng người Việt, về mặc đã có sự thay đổi sớm hơn cả. Ở thành thị sớm hơn nông thôn. Song sự thay đổi ấy mới thật sự rõ rệt vào mấy thập kỷ gần đây, đặc biệt là gần một thập kỷ qua.

Áo the, quần trắng, khăn lượt (nam), váy lĩnh, áo mở ba, mở bảy, tóc đuôi gà (nữ)... hình như đã đi vào quên lãng. Nay, nam cũng như nữ đều tiếp thu cách ăn vận của người châu Âu, người ta đua nhau chạy theo "mốt", không chỉ ở thành thị mà cả ở nông thôn cũng vậy. Nhiều cuộc triển lãm "mốt thời trang" hoặc thi "hoa hậu với thời trang" đã thu hút được sự chú ý đặc biệt của hàng triệu thanh thiếu niên. Trong ban giám khảo của các cuộc thi ấy, ngoài các nhà tạo mẫu, các nhà văn hóa, nghệ thuật còn có mặt cả nhà sử học. Xem thế đủ biết vấn đề thời trang đang là vấn đề có tính thời thượng. Một kiểu áo dài đã bao lần cải tiến và được coi là rất đặc trưng cho phụ nữ Việt Nam; trong cuộc đua tranh với "mốt" này, không rõ nó còn tồn tại được bao lâu nữa. Còn các dân tộc thiểu số, dù nhiều người hay ít người hầu như dân tộc nào cũng có những bộ trang phục cổ truyền không chỉ đẹp mà còn rất giàu tính đặc trưng dân tộc. Nó đã được các mẹ, các chị lưu giữ qua bao thế hệ. Những bộ trang phục ấy, trước đây tuy đã có sự thay đổi nhưng còn rất chậm chạp. Nay, chỉ mười năm thôi đã có sự chuyển biến mau lẹ, có thể nói bằng mấy thế kỷ qua gộp lại. Nhất là ở những nơi chịu nhiều ảnh hưởng của văn minh đô thị thì sự thay đổi này diễn ra càng nhanh và sâu sắc hơn. Đến như người Dao, người Hmông, trước đây các em gái mới sáu, bảy tuổi đã được làm quen với việc canh cửi, thêu thùa, chần, mười tuổi các em đã tự làm được đồ mặc, thế mà nay không ít cô gái Dao Tiên, cô gái Hmông ở Hòa Bình và Thuận Châu, Sơn La không còn biết đến việc may cắt, in sáp, thêu hoa ra sao nữa. Tình trạng này đang rất phổ biến ở nhiều dân tộc không riêng gì ở người Dao, người Hmông nói trên. Sở dĩ có tình trạng như vừa được trình bày vì nhu cầu về mặc không quá lớn như ăn uống. Mặc dù đời sống kinh tế của nhân dân ta còn thấp, nhưng mỗi năm, mỗi người một hai bộ quần áo không phải là cái người ta không thể thực hiện được. Do vậy về mặc có sự thay đổi

nhanh hơn về ăn uống là điều dễ hiểu. Nhân dân ta hiện nay không chỉ có nhiều người mặc lành hơn, ấm hơn mà còn đẹp hơn là điều rất đáng mừng. Song cũng có những cái cần quan tâm suy xét.

Quốc tế hóa về ăn mặc là xu thế tất yếu. Nhưng tiếp thu cái của người khác phải chắt lọc, là để quên lãng di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Tiếp thu nhưng phải chọn lọc, không thể chỉ là đua đòi, chạy theo "mốt" mà chẳng hiểu "mốt" ấy có thích hợp với mình hay không, xấu đẹp ra sao. Tiếp thu các kiểu quần áo mới, nhưng đồng thời phải duy trì, phát triển và nâng cao trang phục cổ truyền, có như vậy mới là đúng đắn.

Phát triển không phải là thêm, bớt, chấp vá, cóp nhặt "râu ông nọ cằm bà kia" một cách tùy tiện, phải xuất phát từ cái "gốc cổ truyền". Nếu phát triển không từ cái gốc, bịa đặt ra các chi tiết xa lạ, lối lãng, phi lý thì chỉ là một việc làm vô trách nhiệm. Việc làm này có lẽ rất điển hình ở các bộ trang phục được gán cho dân tộc này hay dân tộc khác đang rất phổ biến trên sân khấu của chúng ta hiện nay. Đó không phải là phát triển, là nâng cao mà là xuyên tạc, nhạo báng các bộ trang phục cổ truyền ấy. Người ta đã quên mất một tác dụng vô cùng quan trọng của nghệ thuật là tính giáo dục.

Để làm tốt được việc này không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hóa và nghệ thuật mà trọng trách lại thuộc về ngành giáo dục. Mặc khác không kém phần quan trọng là các nhà quản lí, lãnh đạo người các dân tộc ở Trung ương cũng như các địa phương phải là tấm gương sáng để nhân dân các dân tộc noi theo. Không thể chỉ là hô hào: nhân dân các dân tộc phải gìn giữ lấy di sản văn hóa truyền thống của mình. Còn các vị đó lại là người đi tiên phong trong việc đón nhận cái mới mà quên lãng di sản văn hóa truyền thống của chính dân tộc mình.

Xã hội ngày một phát triển, một văn minh, người phụ nữ của các dân tộc không chỉ

quanh quẩn với công việc bếp núc và may vá quần áo... họ còn phải đảm trách nhiều công việc khác do xã hội phân công. Để giúp họ có điều kiện giữ lại được các bộ trang phục cổ truyền thì cả xã hội phải lo. Để làm tốt được việc này, trước hết là các ngành công nghiệp làm vải, in hoa, thêu nhuộm... nói chung là công nghiệp may mặc, phải đầu tư nghiên cứu trang phục cổ truyền của các dân tộc một cách nghiêm túc và khoa học. Không thể chỉ chạy theo thị hiếu của người bên ngoài mà quên mất một đối tượng to lớn cần được phục vụ ngay trong nước như hiện nay. Để các ngành công nghiệp này có sự quan tâm đúng mức thì rất cần đến sự quan tâm và định hướng của Đảng và Nhà nước.

3. Về NHÀ CỬA. Nhà ở của các dân tộc nước ta khá phong phú và đa dạng về loại hình cũng như kiểu dáng và cũng giàu tính đặc trưng tộc người chẳng kém gì trang phục. Nếu như sự thay đổi về trang phục của các dân tộc đang diễn ra rất nhanh, đặc biệt là người Việt thì nhà cửa của các dân tộc cũng đang thay đổi mau lẹ chẳng kém. Người Việt ở thành thị cũng như nông thôn, giờ đây muốn đoạn tuyệt hẳn với các kiểu nhà cổ truyền để tiếp thu các kiểu nhà phương Tây. Nhưng đó chỉ là sự sao chép, chấp vá... nặng về hình thức phô trương hơn là chú ý về mặt công năng của nó. Người ta đua nhau làm nhà mái bằng, ốp đá, bôi vẽ mặt nhà sao cho thật cầu kỳ, phức tạp mới được coi là mới, là "mốt". Còn các dân tộc thiểu số, những người có điều kiện làm nhà mới, trước đây người ta làm theo kiểu nhà của người Việt cổ truyền, nhưng với các kiểu vì cầu kì, phức tạp, chạm trổ, bôi vẽ xanh đỏ lèo lẹt. Hiện nay nhiều người đã làm nhà Tây theo người Việt cùng địa phương. Về phương diện nhà ở, có lẽ miền núi đang tiến kịp miền xuôi, dân tộc thiểu số đuối kịp người Việt. Thế là những kiểu nhà cổ truyền của các dân tộc đang nhường chỗ cho các kiểu nhà "mốt" này để lui về dĩ vãng và quên lãng.

Cuộc sống xã hội ngày càng văn minh thì việc đổi mới về nhà ở cũng như về trang phục là điều cần thiết và cũng là tất yếu. Song đổi mới không nhất thiết là phải đi sao chép của người khác. Cái cần đổi mới trước hết là lối sống lạc hậu ở trong nhà. Đầu cứ phải là nhà xây mái bằng, mặt tiền ốp đá, bôi vẽ xanh đỏ... mới là “mới”, là “mốt”, là “hiện đại”. Tốn phí rất nhiều sắt thép, xi măng và tiền của. Những người dư dật thì không nói, có những người có bao nhiêu vốn liếng đều đổ ra làm nhà, thậm chí đi vay lãi để làm nhà mà không lo đến chuyện kinh doanh, phát triển sản xuất.

Đổi mới không nhất thiết phải thoát ly hẳn với gốc cổ truyền. Cần phải phát huy cái hợp lý, cái hay, cái đẹp vốn có của nhà cổ truyền. Tiếp thu cái mới, cái ngoại lai cần phải chọn lọc sao cho phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, môi trường sống, tập quán tốt đẹp và tâm lý lành mạnh của dân tộc mình. Nếu như mọi dân tộc đều quay lưng lại với di sản văn hóa cổ truyền của cha ông để lại - chạy theo phong trào - đua nhau sao chép một số mẫu nhà nào đó, ở một phương trời xa lạ nào đó mà không rõ có phù hợp với mình hay không, e rằng khi nhận ra là không ổn thì đã muộn, không dễ gì có thể phá đi được.

Nếu cứ đà này chắc không bao lâu nữa, cả nước ta chỉ còn lại một số mẫu nhà hao hao như nhau về kiểu dáng cũng như phong cách. Chúng ta đã không làm cho bức tranh về nhà cửa của chúng ta phong phú hơn, đa dạng hơn, mỹ lệ hơn mà chỉ còn lại một cái gì đơn nhất, buồn tẻ, lợt lạt. Đó chẳng phải là điều đáng quan tâm hay sao?

4. Về CÔNG CỤ SẢN XUẤT. Nước ta từ trước đến nay vẫn là nước làm nông nghiệp, nên công cụ sản xuất nông nghiệp phải là đối tượng cần quan tâm. Công cụ sản xuất nông nghiệp phát triển rất chậm hễ còn trong tình trạng thô sơ và lạc hậu - đã từng có hàng ngàn năm nay. Công cụ làm đất chủ yếu là cây chia vôi (hoặc cải tiến đôi chút), bừa chữ

“nhi” với năng lượng cơ bắp của trâu bò. Máy kéo cỡ nhỏ một số nơi đã có, nhưng số lượng không đáng kể. Máy gặt, máy đập hiện đại lại càng hiếm hơn, trừ một số được gọi là máy, nhưng vẫn dùng sức người là chính. Công cụ vận chuyển hiện đại hầu như chưa có (trừ một số nông trường), thêm ít xe cải tiến, còn quang gánh vẫn đè nặng đôi vai người nông dân. Đó là ở miền xuôi, còn miền núi xa xôi, trước sao nay vẫn vậy.

Cái đáng thay đổi nhanh nhất thì lại chậm nhất. Chỉ vì người nông dân có quá ít ruộng đất, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ. Với số ruộng đất ấy, với công cụ thô sơ ấy cũng đủ để làm, thậm chí còn dư thừa sức lao động (nếu không có nghề phụ). Chính vì vậy vào những lúc nông nhàn, người nông dân phải ra thành phố để kiếm việc làm thêm.

Nếu như ai đó có ý định cải tiến phương thức canh tác cổ truyền thì giá nông sản lại quá thấp nên không đủ lực để mua sắm máy móc....

Với tình trạng công cụ sản xuất nông nghiệp lạc hậu như vậy mà chúng ta đã có gạo để xuất khẩu chủ yếu nhờ giống lúa mới và phân bón hóa học cộng với sự cần cù lao động của người nông dân và còn phải kể đến giá nông phẩm trong nước quá rẻ. Nếu như công cụ sản xuất thấp hơn, giá cả hợp lý hơn, chắc sản lượng lúa của chúng ta còn cao hơn. Rõ ràng đây là vấn đề còn cần được giải quyết tốt hơn.

Tóm lại: cái cần đổi mới và phát triển nhanh như ăn và công cụ sản xuất nông nghiệp thì lại quá chậm. Cái thay đổi nhanh như mặc và nhà ở thì lại chưa có hướng đi rõ ràng, nặng về hướng ngoại và chạy theo phong trào.

Dù vậy, không thể không thừa nhận rằng, từ khi đất nước ta đi vào công cuộc đổi mới đến nay, về mọi mặt đời sống của nhân dân đã được nâng cao hơn trước rất nhiều.